TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **02**/2025/QĐST-VLĐ	*Bình Tân, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Lê Quang Phong.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hoàng Phúc - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên họp: bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 863/2024/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: bà Trần Thị M, sinh năm: 1989;

Địa chỉ thường trú: xã L, thị xã T, tỉnh A; địa chỉ liên hệ: phường M, thành phố B, tỉnh D.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty V;

Địa chỉ trụ sở số: Đường T10, phường TT, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty V: bà Nguyễn Thị H, là người đại diện theo ủy quyền; địa chỉ thường trú: xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội; địa chỉ số: đường T10, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ thường trú: xã L, huyện N, tỉnh C; địa chỉ liên hệ: xã ĐH, huyện D1, tỉnh LA.

(Bà Trần Thị M, bà Trần Thị T có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/10/2024, bà Trần Thị M trình bày:

Tháng 02/2009, bà Trần Thị M cho bà Trần Thị T, sinh năm 1992 mượn chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty V tại địa chỉ số Đường T10, phường TT, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh, có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012 có mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7909065957, do Bảo hiểm xã hội quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Trong thời gian đó, tháng 02/2009 thì bà Trần Thị M đi làm tại Công ty Ptại địa chỉ số Phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2008 đến tháng 02/2010 có mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7908101207, do Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Trong quá trình làm việc tại Công ty Vthì tháng 06/2012, bà Trần Thị T đã nghỉ việc nên không lãnh được bảo hiểm xã hội một lần do phát hiện trùng tên, trùng chứng minh nhân dân, có hai mã số sổ bảo hiểm xã hội khác nhau (mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7909065957 và mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7908101207). Việc tồn tại hai mã số sổ bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị M.

Nay bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M và Công ty V có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012, có mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7909065957 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà có mượn chứng minh nhân dân số 351937450 của bà Trần Thị M, sinh năm 1989 để làm hồ sơ xin việc tại Công ty V, có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012. Bà đồng ý yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) và Công ty V có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu của bà Trần Thị M. Ngoài ra, bà Trần Thị T không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty V có bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên họp:

Bà Trần Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm

quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M, hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Bình Tân nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Trần Thị M có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) với Công ty V vô hiệu nên xác định là việc lao động về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty V có địa chỉ tại số: Đường T10, phường TT, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt và bà Nguyễn Thị H, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án tiến hành giải quyết việc lao động vắng mặt các đương sự trên.

Về pháp luật áp dụng: bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) với Công ty V có tham gia giao kết hợp đồng lao động từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết việc lao động.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) và Công ty V:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự và tại Công văn số: 1340/BHXH-TST của Bảo hiểm xã hội (BHXH) quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2024 thì: *"1/ Căn cứ dữ liệu BHXH quản lý, tra cứu được: số sổ BHXH 7909065957 đứng tên bà Trần Thị M, sinh ngày 10/3/1989, số CMND 351937450, có tham gia BHXH tại Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Quán, quá trình từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012, do BHXH quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.*

2/ Căn cứ dữ liệu BHXH quản lý, tra cứu được: số sổ BHXH 7908101207 đứng tên bà Trần Thị M, sinh ngày 10/3/1989, số CMND 351937450, có tham gia BHXH tại Công ty TNHH PouYuen Việt Nam, quá trình từ tháng 03/2008 đến tháng 02/2010, do BHXH Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

3/ Về việc bà Trần Thị M có yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị M và Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Quán, BHXH quận không có ý kiến và sẽ thực hiện theo quy định sau khi có kết quận của Tòa án".

Bà Trần Thị M và bà Trần Thị T đều xác nhận hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M và Công ty V từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012 là do bà Trần Thị T thực hiện nên có cơ sở xác định bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) có giao kết hợp đồng lao động với Công ty V từ tháng 02/2009, mặc dù các đương sự không cung cấp được hợp đồng lao động

Theo quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 thì người lao động phải trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Tuy nhiên, bà Trần Thị M không trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty V mà người ký kết là bà Trần Thị T, do bà Trần Thị T chưa đủ tuổi tham gia quan hệ lao động nên mượn chứng minh nhân dân có thông tin cá nhân của bà Trần Thị M để giao kết hợp đồng và làm việc tại Công ty V nên nội dung của hợp đồng lao động không có tính xác thực, không tuân theo quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và không đúng chủ thể trong giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng lao động không có hiệu lực kể từ ngày giao kết theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) và Công ty V từ 02/2009 đến tháng 06/2012 là vô hiệu.

[3.2] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Trần Thị M chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 401 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị M (do bà Trần Thị T thực hiện) và Công ty V vô hiệu (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2012, mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7909065957).

2. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Trần Thị M phải chịu lệ phí sơ

thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0048237 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Quang Phong